TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9- 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh,

Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp về "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H; Nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn là Chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2004 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 2, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng . Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng căng thẳng nhất là vào đầu năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Trường ham chơi bời, cờ bạc không quan

tâm chăm sóc gia đình vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ. Do mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay Chị Dương Thị Hkhẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Dương Thị Htrình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/2003 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/4/2006. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến chị H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T. Khi ly hôn Chị Dương Thị Hđề nghị được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị Htrình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tại phiên tòa song đã có lời khai tại Tòa án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Dương Thị Hkết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2004. Sau khi cưới vợ chồng ăn ở tại thôn 02, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, chị H đã tự ý bỏ nhà đi vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay chị H xin ly hôn nguyện vọng của anh là muốn được gặp mặt chị H để hai bên nói chuyện thỏa thuận việc gia đình rồi anh sẽ quyết định sau. Nay anh Trường không đồng ý.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/2003 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/4/2006. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến chị H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T. Khi ly hôn anh T đề nghị để chị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Chị Dương Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1, Điều 35; Điều 147; khoản 2,

Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Chị Dương Thị Hđược ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Hương; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là Chị Dương Thị Hvắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] . Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Dương Thị Hvà anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Do mâu thuẫn nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị Dương Thị Hkhẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn. Tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã kéo dài đến nay không còn khả năng đoàn tụ. Chị H và anh T đến nay đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Dương Thị H, cho Chị Dương Thị Hđược ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Chị Dương Thị Hvà anh Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/2003 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/4/2006. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến chị H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T. Khi ly hôn anh T đề nghị để chị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn T, anh T nuôi con chung tên Nguyễn Thị T. Mặt khác con chung tên Nguyễn Văn T có

nguyện vọng được sống cùng mẹ, con chung tên Nguyễn Thị T có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố để ổn định cuộc sống học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/2003 cho Chị Dương Thị Htrực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/4/2006 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Chị Dương Thị Hphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Dương Thị Hđược ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/2003 cho Chị Dương Thị Htrực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/4/2006 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Hphải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008919 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Chị Dương Thị Hđã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A, h. T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Phạm Công Hạ – Bùi Đình Hùng	**Lê Thị Sự**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc "Ly hôn"giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh	**Khúc Trọng Quang**

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự	**Khúc Trọng Quang**

Nơi nhận:
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang